

TÓM TẮT GIÁO TRÌNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH NĂM 2021

Chương 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I.KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Định nghĩa: *“Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi”* (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (năm 2011)).

Khái niệm trên đây chỉ rõ nội hàm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, cơ sở hình thành cũng như ý nghĩa của tư tưởng đó. Cụ thể là:

- Bản chất cách mạng, khoa học cũng như nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, từ đó phản ánh những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam.
- Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh: chủ nghĩa Mác-Lênin – giá trị cơ bản nhất trong quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng đó; các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại.
- Ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh: tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một bộ phận cấu thành làm nên nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.

II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH:

- Hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Những vấn đề lý luận và thực tiễn được rút ra từ cuộc đời hoạt động rất phong phú ở cả trong nước và trên thế giới của Hồ Chí Minh phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng không những ở tầm dân tộc Việt Nam mà còn ở tầm thế giới: Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.
- Quá trình hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh vận động trong thực tiễn. Là quá trình “hiện thực hóa” hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam.

IV.Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

- Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận.
- Giáo dục và định hướng thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với traudồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước.
- Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách.

Chương 2. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1.Cơ sở thực tiễn:

a.Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX:

- Chủ nghĩa tư bản phát triển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa -> tạo mâu thuẫn thu hẹp địa - đế quốc.

- Cách mạng Tháng Mười Nga thành công mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

b. Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX:

- Các phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp xâm lược liên tục nổ ra.
- Cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước diễn ra sâu sắc; phong trào công nhân và phong trào yêu nước ngày càng phát triển.

2. Cơ sở lý luận:

a. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam:

- Chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

- Hồ Chí Minh đã chú ý kế thừa, phát triển tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất vì độc lập, tự do của Tổ quốc, nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

- Yêu nước gắn liền với yêu dân, có tinh thần đoàn kết, dân chủ, nhân ái, khoan dung trong cộng đồng và hòa hiếu với các dân tộc lân bang; tinh thần cần cù, dũng cảm, sáng tạo, lạc quan, vì nghĩa, thương người.

- Tự hào về lịch sử, trân trọng nền văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán và những giá trị tốt đẹp khác của dân tộc.

b. Tinh hoa văn hoá nhân loại:

Tinh hoa văn hoá Phương Đông:

Nho giáo:

- Dùng nhân trị, đức trị để quản lý xã hội.
- Xây dựng một xã hội lý tưởng trong đó công bằng, bác ái, nhân, nghĩa, trí, dũng, tín, liêm được coi trọng để có thể đi đến một thế giới đại đồng với hòa bình, không có chiến tranh, các dân tộc có quan hệ hữu nghị và hợp tác.
- Tinh thần trọng đạo đức của Nho giáo.

Phật giáo:

- Vị tha, yêu thương con người, khuyến khích làm việc thiện, chống lại điều ác; đề cao quyền bình đẳng của con người và chân lý; khuyên con người sống hòa đồng, gắn bó với đất nước của Đạo Phật.
- Tư tưởng nhân bản, đạo đức tích cực trong Phật giáo.

Lão giáo:

- Sống gắn bó với thiên nhiên, hoà đồng với thiên nhiên, hơn nữa phải biết bảo vệ môi trường sống.
- Hành động đúng với quy luật tự nhiên, xã hội.

Các trường phái khác nhau trong các nhà tư tưởng phương Đông cổ đại khác như Mặc Tử, Hàn Phi Tử, Quản Tử, v.v. Những trào lưu tư tưởng tiến bộ thời cận hiện đại ở Ấn Độ, Trung Quốc như chủ nghĩa Găngđi, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

Tinh hoa văn hoá phương Tây:

- Tự do - Bình đẳng - Bác ái.
 - Tư tưởng nhân văn, dân chủ và nhà nước pháp quyền.
- c. Chủ nghĩa Mác-Lênin:**

- Cơ sở lý luận quyết định bước phát triển mới về chất trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Là tiền đề lý luận quan trọng nhất, có vai trò quyết định trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Là thế giới quan, phương pháp luận trong nhận thức và hoạt động cách mạng.
- Bổ sung, phát triển và làm phong phú chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới.

3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh:

a. Phẩm chất Hồ Chí Minh:

- Lý tưởng cao cả, hoài bão lớn cứu dân cứu nước.
- Ý chí, nghị lực to lớn.
- Tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, giàu tính phê phán, đổi mới và cách mạng.
- Tận trung với nước, tận hiếu với dân.

b. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận:

- Có vốn sống và thực tiễn cách mạng phong phú, phi thường.
- Hồ Chí Minh là nhà tổ chức vĩ đại của cách mạng Việt Nam.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm đường cứu nước mới:

Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh tiếp thu truyền thống tốt đẹp của quê hương, gia đình và của dân tộc hình thành nên tư tưởng yêu nước và tìm đường cứu nước.

- Nghệ An.
- Gia đình.
- Sớm có tư tưởng yêu nước và thể hiện rõ tư tưởng yêu nước trong hành động.
- 5-6-1911 đi ra nước ngoài tìm con đường cứu nước, cứu dân.

2. Thời kỳ 1911 - 1920: Hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường của cách mạng vô sản được hình thành từng bước trong quá trình Hồ Chí Minh đi tìm đường cứu nước; đó là quá trình sống, làm việc, học tập, nghiên cứu lý luận và tham gia đấu tranh trong thực tế cách mạng ở nhiều nước trên thế giới.

- Xác định đúng bản chất, thủ đoạn, tội ác của chủ nghĩa thực dân và tình cảnh nhân dân các nước thuộc địa.
- Bước nhận thức mới về quyền tự do, dân chủ của nhân dân.
- Tìm thấy và xác định rõ phương hướng đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản.

3. Thời kỳ 1920 - 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam:

Đây là thời kỳ mục tiêu, phương hướng cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam từng bước được cụ thể hóa, thể hiện rõ trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Tích cực sử dụng báo chí Pháp lên án chủ nghĩa thực dân Pháp, thức tỉnh lương tri nhân dân Pháp và nhân loại tiến bộ, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân các dân tộc thuộc địa và của dân tộc Việt Nam.
- Đẩy mạnh hoạt động lý luận chính trị, tổ chức, chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Hồ Chí Minh thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đúng đắn và sáng tạo đã chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam kéo dài suốt từ cuối thế kỷ XIX sang đầu năm 1930.

4. Thời kỳ 1930 - 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo:

Những thử thách lớn với Hồ Chí Minh xuất hiện không chỉ từ phía kẻ thù, mà còn từ trong nội bộ những người cách mạng. Một số người trong Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam có những nhìn nhận sai lầm về Hồ Chí Minh do chịu ảnh hưởng quan điểm giáo điều tả khuynh xuất hiện trong Đại hội VI của Quốc tế Cộng sản. Do không nắm vững tình hình các dân tộc thuộc địa và ở Đông Dương, nên tư tưởng mới mẻ, đúng đắn, sáng tạo của Hồ Chí Minh trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên chẳng những không được hiểu và chấp nhận mà còn bị họ phê phán, bị coi là “hữu khuynh”, “dân tộc chủ nghĩa”.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng Cộng sản Đông Dương khẳng định, trở thành yếu tố chỉ đạo cách mạng Việt Nam từ Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5-1941.

- Trải qua sóng gió, thử thách, những quan điểm cơ bản nhất về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam của Hồ Chí Minh được Đảng khẳng định đưa vào thực tiễn tổ chức nhân dân biến thành các phong trào cách mạng để dẫn tới thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

5. Thời 1941 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta:

Trong thời kỳ này, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng cơ bản là thống nhất. Trong những lần làm việc với cán bộ, đảng viên, nhân dân các địa phương, ban, bộ, ngành, Hồ Chí Minh nhiều lần đưa ra những quan điểm sáng tạo, đi trước thời gian, càng ngày càng được Đảng ta làm sáng tỏ và tiếp tục phát triển soi sáng con đường cách mạng Việt Nam.

- Ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*. Nhà Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Từ năm 1946 đến năm 1954, Hồ Chí Minh là linh hồn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh hoàn thiện lý luận cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam, và từng bước hình thành tư tưởng về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Từ 1954-1969, Hồ Chí Minh xác định và lãnh đạo thực hiện đường lối cùng một lúc thi hành 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Tất cả nhằm giành được hòa bình, độc lập, thống nhất nước nhà. Trong thời kỳ này, Hồ Chí Minh bổ sung hoàn thiện hệ thống quan điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực triết học, chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, đạo đức, đối ngoại, v.v. nhằm hướng tới mục tiêu nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, dân chủ, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng và phát triển trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Chương 3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

1. Vấn đề độc lập dân tộc:

a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc:

Một khát khao to lớn của dân tộc ta là, luôn mong muốn có được một nền độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân và đó cũng là một giá trị tinh thần thiêng liêng, bất hủ của dân tộc mà Hồ Chí Minh là hiện thân cho tinh thần ấy:

- 1919: Hồ Chí Minh đã gửi tới Hội nghị Vécxây (Pháp) bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*.
- Trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng* năm 1930: Hồ Chí Minh cũng đã xác định mục tiêu chính trị của Đảng là: “a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”.
- Trong *Tuyên ngôn Độc lập* 1945: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”.
- Trong thư gửi Liên hợp quốc năm 1946: “Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”.
- Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến 19/12/1946: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.
- Trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* ngày 19-12-1946: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.
- 1965: “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”.

b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, hạnh phúc của nhân dân:

- Độc lập dân tộc phải gắn với tự do của nhân dân.
- Độc lập dân tộc phải gắn với hạnh phúc của nhân dân.

Hồ Chí Minh: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”.

c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để:

- Độc lập dân tộc phải là độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để trên tất cả các lĩnh vực: ngoại giao, quân đội, tài chính...

d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ:

- Thư gửi đồng bào Nam Bộ 1946: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”.
- 1958: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”.
- Di chúc: “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”.

2. Về cách mạng giải phóng dân tộc:

a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản:

- Chứng kiến sự khủng hoảng đường lối cách mạng trong nước.
- Không lựa chọn con đường cách mạng tư sản.

=> Con đường cách mạng vô sản:

+ *Giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp, trong đó giải phóng dân tộc là trước hết, trên hết*. Theo Mác và Ăngghen, con đường cách mạng vô sản ở châu Âu là đi từ giải phóng giai cấp -

giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng con người. Còn theo Hồ Chí Minh thì ở Việt Nam và các nước thuộc địa phải là: giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng giai cấp - giải phóng con người.

+ *Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.*

b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo:

- Trong hoàn cảnh Việt Nam là một nước thuộc địa – phong kiến, theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản vừa là đội tiên phong của giai cấp công nhân vừa là đội tiên phong của nhân dân lao động kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc. Đó còn là Đảng của cả dân tộc Việt Nam.

c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công - nông làm nền tảng:

- Phải tập hợp và đoàn kết toàn dân thì cách mạng mới thành công: “cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”.

- Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò động lực cách mạng của giai cấp công nhân và nông dân: Đồng nhất, khổ nhất, “tay không chân ròi”.

d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc:

- Do chưa đánh giá hết tiềm lực và khả năng to lớn của cách mạng thuộc địa nên Quốc tế cộng sản có lúc xem nhẹ vai trò của cách mạng thuộc địa, coi cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc.

- Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ khăng khít, tác động qua lại lẫn nhau giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc - mối quan hệ bình đẳng, không lệ thuộc, phụ thuộc vào nhau.

- Hồ Chí Minh nêu rằng, cách mạng thuộc địa không những không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở chính quốc mà có thể giành thắng lợi trước. Vì:

+ Thuộc địa có một vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt đối với chủ nghĩa đế quốc, là nơi duy trì sự tồn tại, phát triển, là món mồi “béo bở” cho chủ nghĩa đế quốc nhưng lại là khâu yếu nhất trong hệ thống các nước đế quốc. Cho nên, cách mạng ở thuộc địa sẽ có khả năng nổ ra và thắng lợi.

+ Tinh thần đấu tranh cách mạng hết sức quyết liệt của các dân tộc thuộc địa, mà theo Người nó sẽ bùng lên mạnh mẽ, hình thành một “lực lượng khổng lồ” khi được tập hợp, hướng dẫn và giác ngộ cách mạng.

- “Hỡi anh em ở các thuộc địa... Anh em phải làm thế nào để được giải phóng? Vận dụng công thức của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”.

e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng:

- Muốn đánh đổ thực dân - phong kiến giành độc lập dân tộc thì con đường duy nhất là bạo lực cách mạng, dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của kẻ thù.

- Về hình thức bạo lực cách mạng, theo Hồ Chí Minh, bạo lực cách mạng ở đây là bạo lực của quần chúng được thực hiện dưới hai lực lượng chính trị và quân sự, hai hình thức đấu tranh: đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; chính trị và đấu tranh chính trị của quần chúng là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang; đấu tranh vũ trang có ý nghĩa quyết định đối với việc tiêu diệt

lực lượng quân sự và âm mưu thôn tính của thực dân đế quốc, đi đến kết thúc chiến tranh. Việc xác định hình thức đấu tranh phải căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà áp dụng cho thích hợp.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội:

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội:

- Khái niệm “chủ nghĩa xã hội” được Hồ Chí Minh tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau bằng cách chừa đặc trưng ở một lĩnh vực nào đó (như kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học – kỹ thuật, động lực, nguồn lực, v.v.) của chủ nghĩa xã hội, song tất cả đều hướng đến mục tiêu cơ bản của nó mà theo Người: “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”, là làm sao cho dân giàu nước mạnh.

- Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội là xã hội thuộc giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản – một xã hội không còn áp bức, bóc lột, do nhân dân lao động làm chủ, trong đó con người sống ấm no, tự do, hạnh phúc, quyền lợi của cá nhân và tập thể vừa thống nhất, vừa gắn bó chặt chẽ với nhau.

b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan:

- Theo Hồ Chí Minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình tất yếu, tuân theo những quy luật khách quan, trước hết là những quy luật trong sản xuất vật chất; song, tùy theo bối cảnh cụ thể mà thời gian, phương thức tiến lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia sẽ diễn ra một cách khác nhau; trong đó, những nước đã qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa sẽ “đi thẳng” lên chủ nghĩa xã hội. Những nước chưa qua giai đoạn phát triển này sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội sau khi đã “đánh đổ đế quốc và phong kiến” dưới sự lãnh đạo của Đảng vô sản và được tư tưởng Mác- Lênin dẫn đường.

c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa:

- Thứ nhất, về chính trị: Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội do nhân dân làm chủ.
- Thứ hai, về kinh tế: Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Thứ ba, về văn hóa, đạo đức và các quan hệ xã hội: Xã hội xã hội chủ nghĩa có trình độ phát triển cao về văn hóa và đạo đức, bảo đảm sự công bằng, hợp lý trong các quan hệ xã hội.
- Thứ tư, về chủ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội: Chủ nghĩa xã hội là công trình tập thể của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

- Mục tiêu về chế độ chính trị: Phải xây dựng được chế độ dân chủ.
- Mục tiêu về kinh tế: Phải đạt mục tiêu có nền kinh tế phát triển cao gắn bó mật thiết với mục tiêu về chính trị.
- Mục tiêu về văn hóa: Phải xây dựng được nền văn hóa mang tính dân tộc, khoa học, đại chúng và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, hệ thống động lực thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa rất phong phú. Tất cả các động lực đều rất quan trọng và có mối quan hệ biện chứng với nhau nhưng giữ

vai trò quyết định là nội lực dân tộc, là nhân dân nên để thúc đẩy tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa phải đảm bảo lợi ích của nhân dân, dân chủ của dân, sức mạnh đoàn kết toàn dân.

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, lợi ích của dân, dân chủ của dân, đoàn kết toàn dân gắn bó hữu cơ với nhau, là cơ sở, là tiền đề của nhau, tạo nên những động lực mạnh mẽ nhất trong hệ thống những động lực của chủ nghĩa xã hội. Song, những yếu tố trên chỉ có thể phát huy được sức mạnh của mình thông qua hoạt động của những cộng đồng người và những con người Việt Nam cụ thể.

- Cùng với việc xác định và định hướng phát huy sức mạnh những động lực của chủ nghĩa xã hội, đối với các cộng đồng người và với những con người Việt Nam cụ thể, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở phải ngăn chặn, loại trừ những lực cản của những động lực này.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ

- Tính chất thời kỳ quá độ: Đây là thời kỳ cải biến sâu sắc nhất nhưng phức tạp, lâu dài, khó khăn, gian khổ.

- Đặc điểm của thời kỳ quá độ: Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không trải qua giải đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

- Nhiệm vụ của thời kỳ quá độ: Đấu tranh cải tạo, xóa bỏ tàn tích của chế độ xã hội cũ, xây dựng các yếu tố mới phù hợp với quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống, trong đó:

- + Về chính trị, phải xây dựng được chế độ dân chủ, vì đây là bản chất của chủ nghĩa xã hội.

- + Về kinh tế, phải cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại.

- + Về văn hóa, phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc; đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ trên thế giới để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng.

- + Về các quan hệ xã hội, phải thay đổi triệt để những quan hệ cũ đã trở thành những thói quen trong lối sống, nếp sống của con người; xây dựng được một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình trong sự hài hòa với đời sống chung, với lợi ích chung của tập thể.

b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ:

- Thứ nhất, mọi tư tưởng, hành động phải được thực hiện trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin.

- Thứ hai, phải giữ vững độc lập dân tộc.

- Thứ ba, phải đoàn kết, học tập kinh nghiệm của các nước anh em.

- Thứ tư, phải xây đi đôi với chống.

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội:

- Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc bao gồm cả nội dung dân tộc và dân chủ, độc lập phải gắn liền với thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, và hơn nữa độc lập dân tộc cũng phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm, hạnh phúc cho nhân dân.

- Khi đề cao mục tiêu độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh không coi đó là mục tiêu cuối cùng của cách mạng, mà là tiền đề cho một cuộc cách mạng tiếp theo - cách mạng xã hội chủ nghĩa. Độc lập dân tộc vì vậy không những là tiền đề mà còn là nguồn sức mạnh to lớn cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc:

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội là xây dựng tiềm lực, khả năng phát triển của đất nước trên tất cả các lĩnh vực. Với một chế độ xã hội như trên, chủ nghĩa xã hội sẽ có khả năng làm cho đất nước phát triển hoàn thiện, sẽ tạo nền tảng vững chắc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và hơn thế nữa, sẽ là một tấm gương cho các quốc gia trên thế giới, nhất là các dân tộc đang phát triển đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội hiện thực cũng sẽ góp phần hạn chế những cuộc chiến tranh phi nghĩa, bảo vệ được nền hòa bình trên thế giới, độc lập dân tộc sẽ được giữ vững.

3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội:

- Một là, phải bảo đảm vai trò lãnh đạo tuyệt đối của đảng cộng sản trong suốt tiến trình cách mạng.
- Hai là, phải củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc mà nền tảng là khối liên minh công nông – trí.
- Ba là, phải đoàn kết, gắn bó chặt chẽ với cách mạng thế giới.

Chương 4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Về tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam:

- Hồ Chí Minh cho rằng: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tồn tại và phát triển chính là do nhu cầu tất yếu của xã hội Việt Nam từ đầu năm 1930 trở đi.
- Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), Hồ Chí Minh khẳng định: Cách mạng trước hết phải có “đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở mọi nơi. Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”.
- Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu, vai trò lãnh đạo của Đảng cũng là một tất yếu.

2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh:

a. Đảng là đạo đức, là văn minh:

- Theo Hồ Chí Minh, đạo đức của Đảng thể hiện trên những điểm sau đây:
 - + Mục đích hoạt động của Đảng là lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Đó là sự nghiệp cách mạng theo chủ nghĩa Mác – Lê nin, làm cho dân tộc được độc lập, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc thực sự, đoàn kết hữu nghị với các dân tộc trên thế giới.
 - + Cương lĩnh, đường lối, chủ trương và mọi hoạt động thực tiễn của Đảng đều phải nhằm mục đích đó. Đảng phải luôn luôn trung thành với lợi ích toàn dân tộc vì Đảng không có mục đích riêng; sự ra đời và phát triển của Đảng đều vì mục đích làm cho đất nước hùng cường đi lên chủ nghĩa xã hội, đưa lại quyền lợi cho dân.
 - + Đội ngũ đảng viên phải luôn luôn thấm nhuần đạo đức cách mạng, ra sức tu dưỡng, rèn luyện, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của dân, của nước.

- Theo Hồ Chí Minh, một đảng văn minh (hay còn gọi đó là “một Đảng cách mạng chân chính”) thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau đây:

+ Đảng văn minh là một Đảng tiêu biểu cho lương tâm, trí tuệ và danh dự của dân tộc.

+ Đảng ra đời là một tất yếu, phù hợp với quy luật phát triển văn minh tiến bộ của dân tộc và của nhân loại.

+ Đảng phải luôn trong sạch, vững mạnh, làm tròn sứ mệnh lịch sử cho nhân dân, dân tộc giao phó là lãnh đạo giành độc lập cho Tổ quốc và đưa lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

+ Trong giai đoạn cầm quyền, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, Đảng không phải là tổ chức đứng trên dân tộc.

+ Đội ngũ đảng viên phải là những chiến sĩ tiên phong, gương mẫu trong công tác và cuộc sống hằng ngày.

+ Đảng có quan hệ quốc tế trong sáng, hoạt động không những vì lợi ích dân tộc Việt Nam mà còn vì độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia khác; vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển của các dân tộc trên thế giới.

- Hồ Chí Minh đã cảnh báo: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”.

b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng:

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.- Tập trung dân chủ. Tập trung trên nền tảng dân chủ, dân chủ phải đi đến tập trung.

- Tự phê bình và phê bình.

- Kỷ luật nghiêm minh, tự giác.

- Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn.

- Đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

- Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân.

- Đoàn kết quốc tế.

c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên:

- Những yêu cầu chủ yếu đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên:

+ Phải tuyệt đối trung thành với Đảng.

+ Phải là những người nghiêm chỉnh thực hiện cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng và các nguyên tắc xây dựng Đảng.

+ Phải luôn luôn tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng.

+ Phải luôn luôn học tập nâng cao trình độ về mọi mặt.

+ Phải có mối liên hệ mật thiết với nhân dân.

+ Phải luôn luôn chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo.

+ Phải là những người luôn luôn phòng và chống các tiêu cực.

- Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác cán bộ vì “muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”. Trong công tác cán bộ, Hồ Chí Minh yêu cầu: Phải hiểu và đánh giá đúng cán bộ; phải chú trọng huấn luyện cán bộ, huấn luyện một cách thiết thực, có hiệu quả; phải đề bạt đúng cán bộ; phải sắp xếp, sử dụng cán bộ cho đúng; phải kết hợp “cán bộ cấp trên phái đến và cán bộ địa phương”³; phải chống bệnh địa phương cục bộ; phải kết hợp cán bộ trẻ với cán bộ cũ; phải phòng và chống các tiêu cực trong công tác cán bộ; phải thường xuyên kiểm tra, giúp đỡ cán bộ.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÀ NHÂN DÂN

1. Nhà nước dân chủ:

a. Bản chất giai cấp của nhà nước:

- Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam thể hiện trên mấy phương diện:
 - + *Một là*, Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.
 - + *Hai là*, bản chất giai cấp của Nhà nước Việt Nam thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước.
 - + *Ba là*, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ.
- Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc, thể hiện cụ thể như sau:
 - + *Một là*, Nhà nước Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam, của toàn thể dân tộc.
 - + *Hai là*, Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ và luôn kiên trì, nhất quán mục tiêu vì quyền lợi của nhân dân, lấy quyền lợi của dân tộc làm nền tảng.
 - + *Ba là*, trong thực tế, Nhà nước Việt Nam đã đảm đương nhiệm vụ mà toàn thể dân tộc giao phó là tổ chức nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới.

b. Nhà nước của nhân dân:

- Tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân.
 - Nhân dân thực thi quyền lực thông qua hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ trong đó nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. Dân chủ gián tiếp Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập nên. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong hình thức dân chủ gián tiếp:
 - + Quyền lực nhà nước là “thừa ủy quyền” của nhân dân. Tự bản thân nhà nước không có quyền lực. Quyền lực của nhà nước là do nhân dân ủy thác do.
 - + Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên.
 - + Luật pháp dân chủ và là công cụ quyền lực của nhân dân. Luật pháp là của nhân dân, là công cụ thực thi quyền lực của nhân dân, là phương tiện để kiểm soát quyền lực nhà nước.
- c. Nhà nước do nhân dân:**
- Nhân dân “cử ra”, “tổ chức nên” nhà nước dựa trên nền tảng pháp lý của một chế độ dân chủ và theo các trình tự dân chủ với các quyền bầu cử, phúc quyết, v.v.
 - Nhà nước do dân còn có nghĩa “dân làm chủ”. Nếu “dân là chủ” xác định vị thế của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, thì “dân làm chủ” nhấn mạnh quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân với tư cách là người chủ.
 - Nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân được thực thi những quyền mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, hưởng dụng đầy đủ quyền lợi và làm tròn nghĩa vụ làm chủ của mình.

- Nhà nước do dân cần coi trọng việc giáo dục nhân dân, đồng thời nhân dân cũng phải tự giác phấn đấu để có đủ năng lực thực hiện quyền dân chủ của mình.

d. Nhà nước vì nhân dân:

- Nhà nước vì dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính.
- Trong Nhà nước vì dân, cán bộ vừa là đầy tớ, nhưng đồng thời phải vừa là người lãnh đạo nhân dân.

2. Nhà nước pháp quyền:

a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp:

- Hồ Chí Minh luôn chú trọng vấn đề xây dựng nền tảng pháp lý cho Nhà nước Việt Nam mới. Người đã sớm thấy rõ tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội.
- Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Hồ Chí Minh càng quan tâm sâu sắc hơn việc bảo đảm cho Nhà nước được tổ chức và vận hành phù hợp với Hiến pháp và pháp luật, đồng thời, căn cứ vào Hiến pháp và pháp luật để điều hành xã hội, làm cho tinh thần pháp quyền thấm sâu và điều chỉnh mọi quan hệ và hoạt động trong Nhà nước và xã hội.

b. Nhà nước thượng tôn pháp luật:

- Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng hệ thống luật pháp dân chủ, hiện đại.
- Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống, đảm bảo cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật.
- Hồ Chí Minh chỉ rõ sự cần thiết phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực sử dụng luật của người dân, giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật trong nhân dân.
- Hồ Chí Minh luôn nêu cao tính nghiêm minh của pháp luật.
- Hồ Chí Minh luôn luôn khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của Nhà nước, giám sát quá trình Nhà nước thực thi pháp luật, đồng thời không ngừng nhắc nhở cán bộ các cấp, các ngành phải gương mẫu trong việc tuân thủ pháp luật, trước hết là các cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp.

c. Pháp quyền nhân nghĩa:

- Nhà nước phải tôn trọng, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền con người, chăm lo đến lợi ích của mọi người.
- Pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện.

3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh:

a. Kiểm soát quyền lực nhà nước:

- *Kiểm soát quyền lực nhà nước là tất yếu.* Một khi đã nắm giữ quyền lực, cơ quan nhà nước hay cán bộ nhà nước đều có thể trở nên lạm quyền.
- Về hình thức kiểm soát quyền lực Nhà nước, theo Hồ Chí Minh, trước hết, cần phát huy vai trò, trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Để kiểm soát có kết quả tốt, theo Hồ Chí Minh, cần có hai điều kiện là việc kiểm soát phải có hệ thống và người đi kiểm soát phải là những người rất có uy tín. Người còn nêu rõ hai cách kiểm soát là từ trên xuống và từ dưới lên. Người nhấn mạnh, phải “khéo kiểm soát”.
- Vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước dựa trên cách thức tổ chức bộ máy nhà nước và việc phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan thực thi quyền lực nhà nước bước đầu cũng đã được Hồ Chí Minh đề cập đến.

- Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực Nhà nước, vì thế, nhân dân có quyền kiểm soát quyền lực Nhà nước.

b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước:

- Hồ Chí Minh thường nói đến những tiêu cực sau đây và nhắc nhở mọi người đề phòng và khắc phục:

+ *Đặc quyền, đặc lợi.*

+ *Tham ô, lãng phí, quan liêu.*

+ *“Tư túng”, “chia rẽ”, “kiêu ngạo”.*

- Những nguyên nhân nảy sinh tiêu cực được Hồ Chí Minh tiếp cận rất toàn diện. Trước hết là nguyên nhân chủ quan, bắt nguồn từ căn “bệnh mẹ” là chủ nghĩa cá nhân, tự sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện của bản thân cán bộ. Bên cạnh đó còn có những nguyên nhân khách quan.

- Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước là nhiệm vụ hết sức khó khăn. Trong nhiều tác phẩm khác nhau, ở nhiều thời điểm khác nhau, Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiều biện pháp khác nhau. Khái quát lại, có thể thấy nổi bật một hệ thống biện pháp cơ bản như sau:

+ *Một là*, nâng cao trình độ dân chủ trong xã hội, thực hành dân chủ rộng rãi, phát huy quyền làm chủ của nhân dân đó là giải pháp căn bản và có ý nghĩa lâu dài.

+ *Hai là*, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra phải thường xuyên. Cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc và tự giác tuân thủ pháp luật, kỷ luật.

+ *Ba là*, phạt nghiêm minh, nghiêm khắc, đúng người đúng tội là cần thiết, song việc gì cũng xử phạt thì lại không đúng. Cần coi trọng giáo dục, lấy giáo dục, cảm hóa làm chủ yếu.

+ *Bốn là*, cán bộ phải đi trước làm gương, cán bộ giữ chức vụ càng cao, trách nhiệm nêu gương càng lớn.

+ *Năm là*, phải huy động sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước vào cuộc chiến chống lại tiêu cực trong con người, trong xã hội và trong bộ máy Nhà nước.

Chương 5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC:

1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc:

a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng:

- Cách mạng muốn chiến thắng cần có đủ sức mạnh -> sức mạnh đó chính là khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc là chủ trương lâu dài, nhất quán của cách mạng Việt Nam, luôn không thay đổi trong các giai đoạn cách mạng.

- Từ thực tiễn chiến đấu và chiến thắng của cách mạng VN, Hồ Chí Minh đã khái quát thành nhiều luận điểm có tính chân lý về vai trò của khối đại đoàn kết: “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”, “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công”, “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công”, v.v.

b. Đại đoàn kết toàn dân tộc dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam:

+ Lãnh đạo cách mạng VN là ĐCS => Đại đoàn kết dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng.

+ Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, phải do quần chúng, vì quần chúng. Từ trong phong trào đấu tranh để tự giải phóng và xây dựng xã hội mới tốt đẹp, quần chúng nảy sinh nhu cầu đoàn kết và sự hợp tác => đại đoàn kết dân tộc không phải chỉ là mục tiêu của Đảng, mà còn là nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc.

=> ĐĐK phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách, tới hoạt động thực tiễn của Đảng => Trên cơ sở của đường lối đúng, Đảng phải cụ thể hóa thành những mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng phù hợp với từng giai đoạn lịch sử để lôi kéo, tập hợp quần chúng, tạo thực lực cho cách mạng; chuyển những nhu cầu, đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người. **2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc**

a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc:

- Gồm toàn thể nhân dân mà không phân biệt dân tộc, giai cấp, tầng lớp, lứa tuổi, dân tộc, tôn giáo, đảng phái... tất cả những ai “có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”.
- Phải giải quyết hài hòa các mối quan hệ để không bỏ sót bất kỳ lực lượng nào miễn là có lòng trung thành và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc, không phản bội lại quyền lợi của nhân dân.

b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc:

- Lực lượng làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc là công nhân, nông dân, trí thức.
- Hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng.

3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc:

- Một là, phải lấy lợi ích chung làm điểm quy tụ, đồng thời tôn trọng các lợi ích khác biệt chính đáng.
- Hai là, phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc.
- Ba là, phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người.
- Bốn là, phải có niềm tin vào nhân dân.

4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất:

a. Mặt trận dân tộc thống nhất:

- Hồ Chí Minh rất chú trọng đến việc tập hợp quần chúng nhân dân vào những tổ chức yêu nước phù hợp như đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội Phật giáo cứu quốc, đội thiếu niên nhi đồng, v.v. trong đó bao trùm là Mặt trận dân tộc thống nhất.

- Tùy từng thời kỳ và căn cứ vào nhiệm vụ của từng chặng đường cách mạng, Mặt trận dân tộc thống nhất có những tên gọi khác nhau (Hội phản đế đồng minh (1930), Mặt trận dân chủ (1936), Mặt trận nhân dân phản đế (1939), Mặt trận Việt Minh (1941), Mặt trận Liên Việt (1951), v.v.), tuy nhiên thực chất chỉ là một, đó là tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, các tổ chức và cá nhân yêu nước ở trong và ngoài nước, phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất của Tổ quốc, và tự do, hạnh phúc của nhân dân.

b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất:

- Một là, phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công nhân – nông dân – trí thức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Hai là, phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.
- Ba là, phải đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc:

- Một là, làm tốt công tác vận động quần chúng (Dân vận).
- Hai là, thành lập đoàn thể, tổ chức quần chúng phù hợp với từng đối tượng để tập hợp quần chúng.
- Ba là, các đoàn thể, tổ chức quần chúng được tập hợp và đoàn kết trong Mặt trận dân tộc thống nhất.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ

1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế:

a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng:

- Thực hiện đoàn kết quốc tế để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam.

- Sức mạnh dân tộc là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần giúp cho dân tộc Việt Nam vượt qua mọi thử thách, khó khăn trong dựng nước và giữ nước.

- Sức mạnh thời đại là sức mạnh của phong trào cách mạng thế giới, đó còn là sức mạnh của chủ nghĩa Mác – Lênin được xác lập bởi Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

b. Thực hiện đoàn kết quốc tế, nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại:

- Thực hiện đoàn kết quốc tế, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản là nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của dân tộc và thời đại. Bởi lẽ, chúng ta không chỉ chiến đấu vì độc lập, tự do của đất nước mình mà còn vì độc lập, tự do của các nước khác, không chỉ bảo vệ lợi ích sống còn của dân tộc mình mà còn vì những mục tiêu cao cả của thời đại là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức:

a. Các lực lượng cần đoàn kết:

- Phong trào cộng sản và công nhân thế giới.
- Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.
- Các lực lượng tiến bộ, những người yêu chuộng hoà bình, dân chủ, tự do và công lý.

b. Hình thức tổ chức:

- Tư tưởng đoàn kết vì thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã định hướng cho việc hình thành bốn tầng mặt trận: Mặt trận đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận đoàn kết Việt - Miên - Lào; Mặt trận nhân dân Á Phi đoàn kết với Việt Nam; Mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược.

3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế:

a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình:

- Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

- *Đối với các dân tộc trên thế giới*, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

- *Đối với các lực lượng tiến bộ trên thế giới*, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ hoà bình, chống chiến tranh xâm lược.

b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ:

- Để đoàn kết tốt phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh.

- Hồ Chí Minh chỉ rõ, muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn.

Chương 6. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA:

1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác:

a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa:

- “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”.

b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác:

- Quan hệ giữa văn hóa với chính trị:

+ Giải phóng chính trị để mở đường cho văn hóa phát triển. Văn hóa phải phục vụ nhiệm vụ chính trị.

+ Mọi hoạt động của tổ chức và nhà chính trị phải có hàm lượng văn hóa.

- Quan hệ giữa văn hóa với kinh tế:

+ Sự phát triển chính trị, kinh tế, xã hội sẽ thúc đẩy văn hóa phát triển.

+ Mỗi bước phát triển của kinh tế, chính trị, xã hội đều có sự khai sáng của văn hóa.

- Quan hệ giữa văn hóa với xã hội:

+ Xã hội thế nào văn hóa thế ấy.

+ Giải phóng xã hội thì mới giải phóng được văn hóa.

- Về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu văn hóa nhân loại:

+ Chăm lo cốt cách dân tộc, đồng thời cần triệt để tẩy trừ mọi di hại thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc, tôn trọng phong tục tập quán, văn hóa của các dân tộc ít người.

+ Lấy văn hóa dân tộc làm gốc, đó là điều kiện, cơ sở để tiếp thu văn hóa nhân loại. Tiếp thu văn hóa nhân loại là để làm giàu cho văn hóa Việt Nam, xây dựng văn hóa Việt Nam hợp với tinh thần dân chủ.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa:

a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng:

- Văn hóa là mục tiêu:

+ Cùng với chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa nằm trong mục tiêu chung của toàn bộ tiến trình cách mạng.

+ Văn hóa là mục tiêu – nhìn một cách tổng quát – là quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc; là khát vọng của nhân dân về các giá trị chân, thiện, mỹ. Đó là một xã hội dân chủ - dân là chủ và dân làm chủ - công bằng, văn minh, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành; một xã hội mà đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân luôn luôn được quan tâm và không ngừng nâng cao, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

- Văn hóa là động lực:

+ Văn hóa chính trị.

+ Văn hóa văn nghệ.

+ Văn hóa giáo dục.

+ Văn hóa đạo đức, lối sống. +

Văn hóa pháp luật.

b. Văn hóa là một mặt trận:

- Mặt trận văn hóa là cuộc đấu tranh cách mạng trên lĩnh vực văn hóa – tư tưởng.

- Nội dung mặt trận văn hóa phong phú, đấu tranh trên các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... của các hoạt động văn nghệ, báo chí, công tác lý luận, đặc biệt là định hướng giá trị chân, thiện, mỹ của văn hóa nghệ thuật.

c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân:

- Mọi hoạt động văn hóa phải trở về với thực tại của quần chúng, phản ánh được tư tưởng và khát vọng của quần chúng, định hướng giá trị cho quần chúng.

- Nhân dân phải là những người được hưởng thụ các giá trị văn hóa.

3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới:

- Đó là một nền văn hóa toàn diện, giữ gìn được cốt cách văn hóa dân tộc, bảo đảm tính khoa học, tiến bộ và nhân văn.

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC:

1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng:

- Đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người. Đạo đức là gốc, là nền tảng, là sức mạnh, là tiêu chuẩn hàng đầu của người cách mạng. Đạo đức như gốc của cây, như ngọn nguồn của sông suối.
- Đạo đức trở thành nhân tố quyết định của sự thành bại của mọi công việc, phẩm chất mỗi con người.
- Đạo đức là chỗ dựa giúp cho con người vững vàng trong mọi thử thách.
- Gắn đức với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế.
- Đạo đức là thước đo lòng cao thượng của con người.

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng:

a. Trung với nước, hiếu với dân:

- Là phẩm chất đạo đức bao trùm quan trọng nhất và chi phối các phẩm chất khác.
- Trung với nước là trung thành với sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Phải yêu nước, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng, phải làm cho “dân giàu, nước mạnh”.

- Hiếu với dân là phải thương dân, tin dân, thân dân, học hỏi dân, lấy trí tuệ ở dân, kính trọng dân, lấy dân làm gốc.

b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư:

- Là nội dung cốt lõi của đạo đức cách mạng, đó là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hằng ngày của mỗi người.

- Cần:
- Kiệm:
- Liêm:
- Chính: - Chí công vô tư:

c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa:

- Tình thương yêu con người theo Hồ Chí Minh phải được xây dựng trên lập trường của giai cấp công nhân, thể hiện trong các mối quan hệ hằng ngày với bạn bè, đồng chí, anh em, phải được thể hiện ở hành động cụ thể thiết thực.

- Đòi hỏi mỗi người phải chặt chẽ và nghiêm khắc với mình; rộng rãi, độ lượng và giàu lòng vị tha đối với người khác; phải có thái độ tôn trọng những quyền của con người, tạo điều kiện cho con người phát huy tài năng; nâng con người lên, kể cả những người nhất thời lầm lạc, chứ không phải là thái độ “đĩ hòa vi quý”, không phải hạ thấp, càng không phải vùi dập con người.

d. Tinh thần quốc tế trong sáng:

- Tôn trọng, hiểu biết, thương yêu và đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với các dân tộc bị áp bức, với tất cả các dân tộc và nhân dân các nước, với những người tiến bộ trên toàn cầu, chống lại mọi sự chia rẽ, hằn thù, bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc; chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô vanh, biệt lập và chủ nghĩa bành trướng bá quyền.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng:

a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức:

- Nói đi đôi với làm: Là nét đẹp trong đạo đức truyền thống; là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng nền đạo đức mới; là sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, trở thành phương pháp luận trong cuộc sống và là nền tảng triết lý sống hết sức bình dị và sâu sắc của Hồ Chí Minh.

- Nêu gương về đạo đức: Là nét đẹp của truyền thống văn hóa phương Đông. Lời nói đi đôi với việc làm phải gắn liền với nêu gương về đạo đức.

b. Xây đi đôi với chống:

- Xây là xây dựng các giá trị, các chuẩn mực đạo đức mới.

- Chống là chống các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức, suy thoái đạo đức.

c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời:

- Hồ Chí Minh đòi hỏi mọi người phải thường xuyên được giáo dục và tự giáo dục về mặt đạo đức. Thực hiện việc này phải kiên trì, bền bỉ.

III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người:

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người:

- Theo Hồ Chí Minh, con người là một chỉnh thể, thống nhất về trí lực, tâm lực, thể lực, đa dạng bởi mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội (quan hệ gia đình, dòng tộc, làng xã, quan hệ giai cấp, dân tộc...) và các mối quan hệ xã hội (quan hệ chính trị, văn hóa, đạo đức, tôn giáo...).

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người:

- Con người là mục tiêu của cách mạng: Giải phóng dân tộc mở đường cho giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

- Con người là động lực của cách mạng: Con người là vốn quý nhất, động lực, nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người:

- Ý nghĩa của việc xây dựng con người: Xây dựng con người là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, vừa cấp bách, vừa lâu dài, có ý nghĩa chiến lược. Xây dựng con người là một trọng tâm, bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển đất nước, có mối quan hệ chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.
- Nội dung xây dựng con người: Hồ Chí Minh quan tâm xây dựng con người toàn diện vừa “hồng” vừa “chuyên”. Đó là những con người có mục đích và lối sống cao đẹp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng, tác phong và đạo đức xã hội chủ nghĩa và năng lực làm chủ.
- Phương pháp xây dựng con người mới: Mỗi người tự rèn luyện, tu dưỡng ý thức, kết hợp chặt chẽ với xây dựng cơ chế, tính khoa học của bộ máy và tạo dựng nền dân chủ. Việc nêu gương, nhất là người đứng đầu, có ý nghĩa rất quan trọng. Biện pháp giáo dục có một vị trí quan trọng. chú trọng vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng.